

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/5/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt.

2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 438/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Châu Thị Ngọc A**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 221 ấp Tân Tỉnh A1, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Tạm trú: Số 180/2 ấp Long M, xã Phước T1, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Ngọc T**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 221 ấp Tân Tỉnh A1, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ C, thành phố MT và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/10/2001. Sau khi kết thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Minh C1, sinh năm 1997 và Đỗ Ngọc Bảo C2, sinh năm 1999 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị A. Anh T vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa chị A yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Minh C1, sinh năm 1997 và Đỗ Ngọc Bảo C2, sinh năm 1999 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đỗ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Ngọc T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Châu Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc T có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ C, thành phố MT cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/10/2001, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị A và anh T kết hôn năm 2001, chị A trình bày: Sau khi kết hôn đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, trong thời gian ly thân chị A, anh T không có biện pháp nào đoàn tụ, hiện mỗi người sống một nơi. Anh T thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý kiến về việc chị A yêu cầu ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị A và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Châu Thị Ngọc A yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Ngọc T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Minh C1, sinh năm 1997 và Đỗ Ngọc Bảo C2, sinh năm 1999 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Châu Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Châu Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Minh C1, sinh năm 1997 và Đỗ Ngọc Bảo C2, sinh năm 1999 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Châu Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004413 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị Châu Thị Ngọc A nộp xong án phí.

6. Chị Châu Thị Ngọc A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- UBND xã Tân Mỹ C, TP.MT, Tiền Giang;
- Các đương sự:
 - + Chị Châu Thị Ngọc A;
 - + Anh Đỗ Ngọc T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Sang